

**BẢNG QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
BẢO HIỂM DU LỊCH QUỐC TẾ**

(Đính kèm và một phần không tách rời của Quy tắc Bảo hiểm Du lịch quốc tế ban hành theo Quyết định số 494/QĐ-PVIBH ngày 27.6/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI)

Đơn vị: VND

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM/NGƯỜI					
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5	Chương trình 6
I	PHẠM VI BẢO HIỂM CHÍNH						
1	Bảo hiểm Tai nạn cá nhân	300.000.000	500.000.000	800.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000
		Đối với NDBH trên 75 tuổi: giới hạn 50% STBH của Quyền lợi I.1					
2	Tử vong do nguyên nhân khác (ngoài tai nạn)	30.000.000	50.000.000	80.000.000	100.000.000	200.000.000	300.000.000
		Quyền lợi này không áp dụng với NDBH trên 75 tuổi					
3	Bảo hiểm Chi phí y tế	300.000.000	500.000.000	800.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000
	Chi phí điều trị tiếp theo tại Việt Nam (bao gồm trong giới hạn Quyền lợi 3)	15.000.000	25.000.000	40.000.000	50.000.000	100.000.000	150.000.000
	Đối với NDBH trên 75 tuổi: giới hạn 50% STBH các mục của Quyền lợi I.3						
4	Trợ cấp nằm viện tại nước ngoài (tối đa 15 ngày)	300.000/ngày	500.000/ngày	800.000/ngày	1.000.000/ngày	2.000.000/ngày	3.000.000/ngày
5	Vận chuyển y tế cấp cứu	300.000.000	500.000.000	800.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000
		Đối với NDBH trên 75 tuổi: giới hạn 50% STBH của Quyền lợi I.5					
6	Hồi hương	300.000.000	500.000.000	800.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000
		Đối với NDBH trên 75 tuổi: giới hạn 50% STBH của Quyền lợi I.6					



7	Chi phí mai táng và Hồi hương thi hài	60.000.000	100.000.000	160.000.000	200.000.000	400.000.000	600.000.000
		Đối với NDBH trên 75 tuổi: giới hạn 50% STBH của Quyền lợi I.7					
8	Thăm bệnh nhân ở nước ngoài	15.000.000	25.000.000	40.000.000	50.000.000	100.000.000	150.000.000
9	Đưa trẻ em hồi hương	15.000.000	25.000.000	40.000.000	50.000.000	100.000.000	150.000.000
II	PHẠM VI BẢO HIỂM BỔ SUNG						
1.1	Hủy chuyến đi	30.000.000	50.000.000	80.000.000	100.000.000	200.000.000	300.000.000
1.2	Rút ngắn chuyến đi						
Trường hợp vận chuyển bằng máy bay thì chi trả đến giá trị vé máy bay ban đầu, tối đa đến STBH của Quyền lợi II.1.1 và II.1.2							
2	Chuyến đi bị trì hoãn	6.000.000	8.000.000	10.000.000	10.000.000	15.000.000	20.000.000
		2.000.000 đồng cho mỗi 8 giờ liên tục bị trì hoãn			2.500.000 đồng cho mỗi 8 giờ liên tục bị trì hoãn		
3	Lỡ nối chuyến	6.000.000	8.000.000	10.000.000	10.000.000	15.000.000	20.000.000
		2.000.000 đồng cho mỗi 8 giờ liên tục bị trì hoãn			2.500.000 đồng cho mỗi 8 giờ liên tục bị trì hoãn		
4	Nhận hành lý chậm	4.500.000	6.000.000	7.500.000	10.000.000	12.000.000	14.000.000
		1.500.000 đồng cho mỗi 8 giờ liên tục đến chậm			2.000.000 đồng cho mỗi 8 giờ liên tục đến chậm		
5	Hành lý và vật dụng cá nhân mang theo	15.000.000	25.000.000	40.000.000	50.000.000	100.000.000	150.000.000
		3.000.000 đồng cho mỗi món đồ					
6	Mất giấy tờ tùy thân	15.000.000	25.000.000	40.000.000	50.000.000	100.000.000	150.000.000
7	Trách nhiệm cá nhân	150.000.000	250.000.000	400.000.000	500.000.000	1.000.000.000	1.500.000.000